

NỘI DUNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN – TUẦN 5/ HK II
MÔN NGỮ VĂN
KHỐI 6

Các em học sinh thân mến,

Do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, lo rằng các em sẽ không đủ thời gian học bổ sung sau khi quay lại trường, nên nhà trường phổ biến đến các em kế hoạch học tập trực tuyến trong tuần 5/ HK II. Mong các em cố gắng thực hiện.

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN :

1. Các em theo dõi các bài giảng trực tuyến của GVBM theo hướng dẫn của BGH.
2. Trong quá trình nghe giảng, các em ghi chép bài và làm các bài tập (hoặc câu hỏi soạn bài), có thể viết vào giấy đôi hoặc vở bài học (tùy theo quy định của GVBM). Sau này, các bài ghi, bài tập, bài soạn... sẽ được GVBM kiểm tra và tính điểm theo quy định trên lớp.
3. Để tiết học trực tuyến đạt hiệu quả, yêu cầu các em thực hiện đúng các thao tác sau:
 - Tắt micro trong quá trình học. Chỉ mở micro để trả lời khi GV gọi tên điểm danh hoặc khi GV gọi em trả lời câu hỏi. Sau đó phải tắt micro.
 - Chỉ khi GV yêu cầu thì mới mở camera. Chú ý trang phục lịch sự.

Kế hoạch học tập trực tuyến tuần 5 như sau :

Từ ngày 18/2 đến hết ngày 27/2 :

TUẦN 5 18/2 – 27/2	89	1	Nhân hóa (*) (Chủ đề : <i>Các biện pháp tu từ</i>)
	90	2	Phương pháp tả người
	91	3	Luyện nói về văn miêu tả
	92	4	Chương trình địa phương (phần Tiếng Việt)

NHÂN HÓA

1./ Khái niệm :

Ví dụ :

Ông trời
Mặc áo giáp đen
Ra trận
Muôn nghìn cây mía
Múa gươm
Kiến
Hành quân
Đầy đường
(Trần Đăng Khoa)



.....
.....



.....
.....



.....

2./ Các kiểu nhân hóa :

Ví dụ 1 :

Từ đó, **lão** Miệng, **bác** Tai, **cô** Mắt, **cậu** Chân, **cậu** Tay lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả.

(Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng)



.....
.....

Ví dụ 2 :

Gậy tre, chông tre **chống** lại sắt thép của quân thù. Tre **xung phong** vào xe tăng, đại bác. Tre **giữ** làng, **giữ** nước, **giữ** mái nhà tranh, **giữ** đồng lúa chín.

(Thép Mới)



Ví dụ 3 :

*Trâu ơi, ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta.*

(Ca dao)



BÀI LUYỆN TẬP :

1.) *Tìm phép nhân hóa trong các câu sau và cho biết đó là kiểu nhân hóa nào?*

LƯU Ý :

3 kiểu nhân hóa thường gặp

1. Dùng những từ vốn gọi người để gọi vật.
2. Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật.
3. Trò chuyện, xưng hô với vật như đối với người

- a) Dế Mèn đã quát mấy chị Cào Cào ngụ ngoài đầu bờ, khiến mỗi lần Dế Mèn đi qua, các chị phải núp gương mặt trái xoan dưới nhánh cỏ.
- b) Biết chị Cốc đi rồi, Dế Mèn mới mon men bò lên. Trông thấy Dế Mèn, Dế Choắt khóc thảm thiết.
- c) Nước bị cản văng bọt tứ tung, thuyền vùng vằng cứ chực trụt xuống, quay đầu chạy về lại Hòa Phước.
- d) Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước.
- e) Tre cụ, tre ông, tre bà, tre cha, tre mẹ, tre con, tre cháu, chút chít, chằng chéo bằng ngọn bằng tán, bằng cách ấy khiến con sẻ bay cũng không lọt...
- g) Cây tre xanh, nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm.
- h) Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau để hút mật ở hoa.
- i) Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao. Từng đàn rủ nhau lặng lẽ bay đi.
- k) Tôi thấy chiếc cầu rách nát giữa trời, những nhịp cầu tả tơi như úa máu.
- l) Tiếng thì thầm của côn trùng, tiếng tranh cãi của những chú ếch ban đêm bên hồ.
- m) Sắp mưa, sắp mưa, những con mối bay ra. Mối trẻ bay cao, mối già bay thấp.
- n) Thịnh thoàng, tôi ngựa chân đá một cái, gheo anh Gọng Vó lấm láp vừa ngo ngác dưới đầm lên.
- o) *Thị ơi thị rụng bị bà
Bà để bà người chứ bà không ăn.*
- p) Trong vườn cây, các loài chim mở hội thi ca hát đón cô mùa xuân sắp về.
- q) Quà của bà tặng cho bé là một cô mèo tam thể xinh xắn, đáng yêu.

2.) *Đặt câu có sử dụng 3 kiểu nhân hóa đã học.*

3.) *Viết đoạn văn (4-6 câu) miêu tả:*

- a) Một con vật nuôi mà em yêu thích
- b) Một loài hoa mà em yêu thích

Trong đoạn văn có sử dụng phép so sánh và phép nhân hóa, gạch dưới và chú thích đầy đủ.

TẢ NGƯỜI

(thực hiện các yêu cầu trong SGK tr.59 → 62)

Lưu ý:

TẢ NGƯỜI	TẢ NHÂN VẬT TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC
<p>1. Để tránh việc biến người (nhân vật) được miêu tả thành những “pho tượng” vô hồn, trong quá trình miêu tả, cần kết hợp linh hoạt các thao tác kể, tả, đối thoại, bộc lộ cảm xúc về người được tả. Nghĩa là, người được tả phải nằm trong một sự việc, hành động cụ thể. Qua những sự việc, hành động, lời nói của người ấy, em quan sát – miêu tả chân dung của họ, đồng thời nêu cảm xúc – suy nghĩ của mình.</p> <p>2. Riêng với nhân vật trong tác phẩm văn học, em cần chú ý bối cảnh (không gian, thời gian, tình huống) mà nhân vật xuất hiện để có sự tưởng tượng, miêu tả cho phù hợp. Em cũng có thể tưởng tượng mình được gặp gỡ, nói chuyện với nhân vật, để dễ miêu tả ngoại hình và nêu cảm nghĩ về nhân vật hơn.</p>	

Một số đề bài tham khảo – luyện tập :

Tả người :

- Tả một người thân yêu và gần gũi nhất với em (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em...)
- Tả hình ảnh mẹ hoặc cha với một trong những trường hợp sau :
 - Lúc em ốm
 - Khi em mắc lỗi
 - Khi em làm được một việc tốt
- Tả Thầy / Cô giáo của em đang giảng bài

Tả nhân vật trong tác phẩm văn học (tả sáng tạo) :

Hãy tưởng tượng và miêu tả **một nhân vật** mà em yêu thích **trong** một văn bản đã học ở **chương trình Ngữ văn 6**



CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG – Phần Tiếng Việt

(thực hiện các yêu cầu trong SGK Ngữ văn 6)

Phần lý thuyết

1. Đối với các tỉnh miền Bắc :

Đọc và viết đúng các phụ âm đầu dễ mắc lỗi:

- tr/ ch: *tra xét, trầm tĩnh, trại giam, trợ trụ, trách nhiệm, trật tự*
- s/ x: *sáng tạo, sản xuất, sang trọng, sôi nổi, sỏi đá, sung sướng...*
- r/d/ gi: *rừng rục, rừng rợn, bịn rịn, bút rút, do thám, dính dáng, gỡ ra, gỡ tẽ...*
- l/ n: *la hét, lo liệu, lập nghiệp, pháp luật, nêu lên, nương tựa, nảy sinh, nan giải..*

2. Đối với các tỉnh miền Trung, miền Nam :

Đọc và viết đúng

- Vân ac, at, ang, an: *lệch lạc, nhếch nhác, xệch xác, ran rát*
- Vân ước, uot, uong, uon: *duộc liệt, được thua, cá cược, mưu chước, lướt thướt...*

3. Riêng với các tỉnh miền Nam

Đọc và viết đúng một số phụ âm đầu dễ mắc lỗi:

- Ví dụ : *vạm vỡ, vanh vách, vênh váo, vi vu, vụng về, vó vắn, du thuyền, cơn đông...*

Phần thực hành

Câu 1: Điền tr/ch, s/x, r/d/gi, l/n vào chỗ trống:

- ...ái cây, ...ờ đợi, ...uyên chổ, ...ài qua, ...ôi chày, ...ơ trụ, nói ...uyện, chương ...ình, ...ẻ tre.
- ...ấp ngựa, sản ...uất, ...ơ sài, bổ ...ung, ...ung kích, ...ua đuổi, cái ...êng, ...uất hiện, chim ...áo, ...âu bộ.
- ...ũ rượu, ...ắc rổi, ...ảm giá, giáo ...ục, rung ...ình, rừng ...ợn, ...iang sơn, rau ...iếp, ...ao kéo, ...iao kèo, ...iáo mác.
- ...ạc hậu, nói ...iều, gian ...an, ...ết na, ...ương thiện, ruộng ...ương, ...ỗ chổ, lên ...út, bếp ...úc, ...ỡ làng.

Câu 2: Lựa chọn từ điền vào chỗ trống

a./ vây, dây, giây

- ... cá, sợi ..., ... điện, ... cánh, ... dưa, ... phút, bao ...

b./ viết, diết, giết

- ... giặc, da..., ...văn, chữ ..., ... chết.

c./ vè, dè, giẻ

- hạt ..., da ..., ... vang, vắn ..., ... lau, mảnh ..., ... đẹp, ... rách.

Câu 3: *Chọn điền s, x vào chỗ trống:*

Bầu trời ...ám xịt như sà xuống ...át mặt đất. ...ấm rền vang, chớp loé ...áng rạch ...é cả không gian. Cây ...ung già trước cửa ...ổ trút lá theo trận lốc, tro lại những cành ...ơ ...ác, khảng khiu. Đột nhiên, trận mưa dông ...ầm ...ập đổ, gõ lên mái tôn loảng ...oảng.

Câu 4: *Điền từ thích hợp có vần –uôc hoặc –uôt và chỗ trống:*

Thất lung ... bụng, ... miệng nói ra, cùng một ..., con bạch ..., thẳng đuồn ..., quả dưa ..., bị ... rút, trắng ..., con châu ...

Câu 5: *Điền hỏi hoặc ngã ở những chữ in nghiêng*

- Ve tranh, biêu quyết, dè biu, bún run, dai dẳng, hương thụ, tương tượng, ngày giô, lô mãng, cổ lô, ngâm nghi.

Câu 6: *Chữa lỗi chính tả có trong những câu sau:*

- Tía đã nhiều lần căng dặng rần không được kiêu căn.
- Một cây che chắng ngan đường chắn cho ai vô dưng chặc cây, đốn gổ.
- Có đau thì căng răng mà chịu ghen.